

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/DS-ST
Ngày 24 tháng 3 năm 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Việt - Bà Đặng Thị Mỹ Hương
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Yến Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2025/TLST-DS, ngày 15 tháng 01 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Phước T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: khóm H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1983. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Phước T trình bày:

Qua quen biết nên ngày 16/5/2024 ông cho bà Nguyễn Thị Tuyết M mượn 30.000.000 đồng, sau đó ngày 19/5/2024 bà M vay thêm 10.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng; lãi suất thỏa thuận 03%/tháng; thời hạn trả nợ 01 tháng kể từ ngày ký giấy ghi nợ ngày 16/5/2024. Lãi suất và kỳ hạn trả nợ chỉ thỏa thuận miệng. Đến kỳ

hạn thanh toán bà M không thực hiện nghĩa vụ trả vốn lãi theo thỏa thuận, mặc dù ông nhiều lần nhắc nhở yêu cầu thanh toán nợ nhưng bà M vẫn không thực hiện.

Do bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết M trả nợ gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu) đồng, không yêu cầu trả lãi.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Giấy ghi nợ ngày 16/5/2024 do bà Nguyễn Thị Tuyết M xác lập, ký tên người mượn tiền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phiên tòa được mở lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thủ tục tố tụng đạt, niêm yết thực hiện đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước T về buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M trả số tiền vốn 40.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông T khởi kiện bà M về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà M cư ngụ tại phường M, thành phố L nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bà M vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Ông T khởi kiện yêu cầu bà M có nghĩa vụ trả 40.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông T là bản chính Giấy ghi nợ ngày 16/5/2024 do bà Nguyễn Thị Tuyết M xác lập, ký tên mượn tiền.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông T đối với bà M, Hội đồng xét xử nhận thấy, theo Giấy ghi nợ ngày 16/5/2024 có nội dung *“Tôi tên Nguyễn Thị Tuyết M, sn 1983 ngụ 40 khóm T, M, L có mượn của Lê Phước T, sinh năm 1993 số tiền 30.000.000đ (ba chục triệu). Nay viết giấy làm bằng. Mỹ Thạnh 16/05/2024. Ký tên Nguyễn Thị Tuyết M. Hôm nay ngày 19/05/2024 có nhận thêm 10.000.000đ (mười triệu chẵn). Ký tên Nguyễn Thị Tuyết M”*.

Xét thấy, giao dịch dân sự giữa ông T và bà M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên.

[3]. Theo Phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án về tình trạng cư trú của người tham gia tố tụng tại Công an phường Mỹ Thạnh, thành phố L ngày 15 tháng 01 năm 2025 thể hiện: Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1983 có đăng ký thường trú tại khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà M vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của ông T để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M. Do bà M vắng mặt Tòa án đã thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà M biết nhưng bà M vẫn không có ý kiến nhằm phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phiên tòa được mở xét xử lần thứ hai, bà M tiếp tục vắng mặt không có lý do là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của bị đơn quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Qua lời trình bày của đương sự, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ bản chính Giấy ghi nợ ngày 16/5/2024 do bà Nguyễn Thị Tuyết M xác lập để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M trả 40.000.000đ (Bốn mươi triệu) đồng

như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Ông T không yêu cầu bà M trả lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông Lê Phước T 40.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của ông T được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên ông T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 357, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước T đối với bà Nguyễn Thị Tuyết M. Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho ông Lê Phước T số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Tuyết M chịu 2.000.000đ (Hai triệu) đồng án phí.

Ông Lê Phước T được nhận lại 1.000.000đ (Một triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002082, ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa